| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 3 - CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 170/2025/DS-ST<br>Ngày 26 – 8 – 2025<br>V/v tranh chấp HĐ cầm cố tài sản | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lâm Hoài Ân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Việt Khái
2. Bà Đoàn Thị Sim

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Châu Sơn Ca - Là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Cà Mau.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 304/2025/TLST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Công ty cổ phần Sawad T; Địa chỉ: số 128, đường Nguyễn D, phường Trường V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Hồ Ngọc Q, sinh năm 1990; Chức vụ: Nhân viên Công ty cổ phần Sawad T; Địa chỉ: số 220, đường 3/2, phường T, tỉnh Cà Mau; Là người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần Sawad T (xin vắng mặt).

*2. Bị đơn:* Anh Trần Hữu N, sinh năm 2002; Địa chỉ: Ấp C, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau nay thuộc khóm 2, xã C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 18/12/2023, anh Trần Hữu N có cầm cố tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại VARIO 125 mang biển số kiểm soát 69K1-360.42, xe có số khung MH1JM5119LK679363 và số máy JM51E1678965 theo giấy chứng nhận đăng ký số 033057 do Công an huyện Phú Tân cấp ngày 26/11/2020 cho Công ty cổ phần Sawad T (gọi tắt là Công ty) với số tiền là 10.750.000 đồng, thời hạn cầm cố 12 tháng, lãi suất cầm cố 1.1%/tháng, phí quản lý hồ sơ cố định 0.5%/tháng, lãi suất quá hạn là 5% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí mượn xe là 537.500 đồng/tháng, phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm và chi phí tố tụng là 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán. Việc cầm cố có lập hợp đồng, Công ty có đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản cầm cố trên hệ thống trực tiền của

Cục đăng ký Quốc gia. Sau khi ký hợp đồng, do nhu cầu đi lại anh N có thuê lại xe mô tô trên để sử dụng nên hai bên ký giấy mượn xe với thời hạn là 01 tháng sẽ giao lại xe cho Công ty quản lý.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh N trả được cho Công ty tổng số tiền 9.122.000 đồng trong đó nợ gốc là 5.410.025 đồng, nợ lãi và các khoản phí nêu trên là 3.711.975 đồng thì ngưng cũng không trả lại xe mượn cho đến nay nên Công ty khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh N trả lại chiếc xe mô tô theo giấy mượn xe ký ngày 18/12/2023. Trường hợp anh N không trả lại xe, buộc anh N trả các khoản với số tiền tính đến ngày 19/4/2025 là 10.314.405 đồng (trong đó tiền gốc là 5.339.975 đồng, tiền lãi trong hạn là 293.699 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 133.499 đồng, tiền lãi quá hạn 1.432.534 đồng, phí mượn xe 2.687.500 đồng, phí phạt vi phạm là 427.198 đồng) và tiếp tục tính lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe tính từ ngày 19/4/2025 đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 21/8/2025, Công ty chỉ yêu cầu anh N thanh toán cho Công ty tổng số tiền là 6.063.000 đồng trong đó tiền gốc là 5.339.975 đồng, lãi tính từ ngày 18/8/2024 đến ngày 26/8/2025 theo mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền 723.540 đồng, Công ty sẽ trả lại giấy đăng lý xe khi anh N trả xong nợ. Riêng các yêu cầu khác Công ty xin rút lại. Đồng thời, người đại diện hợp pháp của Công ty gửi đơn xin vắng mặt xét xử đề ngày 21/8/2025 qua đường bưu chính cho Tòa án.

Đối với anh Trần Hữu N (bị đơn), Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do cũng không gửi ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng, bị đơn đã được triệu tập tham gia phiên tòa xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do. Riêng nguyên đơn đã có lời khai và có yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự chấp nhận yêu cầu xin vắng mặt của nguyên đơn và tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản, cụ thể tranh chấp về nghĩa vụ trả tiền cầm cố. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ thỏa thuận trong hợp đồng nên làm căn cứ để thanh lý hợp đồng.

[3] Xét nội dung tranh chấp, Hội đồng xét xử thấy rằng tuy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, song vẫn vắng mặt không có lý do và trong thời gian giải quyết vụ án, bị đơn không đến Toà, không gửi văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện cũng như lời trình bày của nguyên đơn nhưng căn cứ vào hợp đồng cầm cố cùng phụ lục hợp đồng, phiếu đăng ký cầm cố xe máy và giấy mượn xe có chữ viết, ký tên của bị đơn cùng lời khai của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thể hiện việc bị đơn có cầm cồ tài sản và hiện còn nợ nguyên đơn số tiền vốn 5.339.975 đồng đến nay chưa trả là sự thật nên không phải chứng minh.

[4] Do bị đơn vắng mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh có hay không việc trả vốn, lãi cho nguyên đơn là tự từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình nên lời trình bày của nguyên đơn về việc bị đơn chỉ trả được số tiền vốn và lãi cho nguyên đơn là 9.122.000 đồng được chấp nhận. Mặc dù, thời hạn

cầm cố là 01 năm (kể từ ngày 18/12/2023 đến ngày 18/12/2024) nhưng đến nay, thời hạn cầm cố đã chấm dứt, bị đơn vẫn không trả lại tiền cho nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi chậm trả, không yêu cầu tính lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả - Đây là ý chí tự nguyện, quyền tự định đoạt của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền lãi tính từ ngày 18/8/2024 đến ngày 26/8/2025 với số tiền 723.540 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Từ đánh giá tại mục [3], [4] và [5], có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn các khoản với số tiền 6.063.515 đồng làm tròn 6.063.000 đồng (sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng) nên yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Tuy nhiên, hiện nguyên đơn đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033057 do Công an huyện Phú Tân cấp cho bị đơn vào ngày 26/11/2020 nên nguyên đơn có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn khi bị đơn thanh toán xong nợ.

Riêng chiếc xe nhận cầm cố, nguyên đơn đã cho bị đơn mượn lại, hiện bị đơn đang quản lý, sử dụng và nguyên đơn đã rút lại yêu cầu bị đơn trả lại xe theo giấy mượn xe ngày 18/12/2023 cùng các khoản: Phí quản lý hồ sơ cố định 133.499 đồng, tiền lãi quá hạn 1.432.534 đồng, phí mượn xe 2.687.500 đồng và phí phạt vi phạm là 427.198 đồng. Xét thấy, việc rút các yêu cầu trên của nguyên đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết là phù hợp.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, bị đơn phải chịu. Nguyên đơn không phải chịu, số tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp được trả lại.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 309, 315, 316 và 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 144, 147, 217 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

**1**. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Sawad T.

- Buộc anh Trần Hữu N có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cổ phần Sawad T số tiền là 6.063.000 đồng (sáu triệu không trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày Công ty cổ phần Sawad T có đơn yêu cầu thi hành án, anh N không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

- Công ty cổ phần Sawad T có trách nhiệm trả lại cho anh Trần Hữu N bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 033057 do Công an huyện Phú Tân cấp cho anh N vào ngày 26/11/2020 khi anh N thanh toán xong nợ.

**2.** Đình chỉ giải quyết đối với việc Công ty cổ phần Sawad T yêu cầu anh Trần Hữu N trả lại xe theo giấy mượn xe ngày 18/12/2023 cùng các khoản: Phí quản lý hồ sơ cố định với số tiền 133.499 đồng, tiền lãi quá hạn 1.432.534 đồng, phí mượn xe với số tiền là 2.687.500 đồng và phí phạt vi phạm là 427.198 đồng.

**3.** Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Anh Trần Hữu N phải nộp số tiền 303.000 đồng (ba trăm lẽ ba nghìn đồng - chưa nộp).

Công ty cổ phần Sawad T không phải nộp. Ngày 21/5/2025, Công ty cổ phần Sawad T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004160 được trả lại toàn bộ cho Công ty cổ phần Sawad T.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

**Lâm Hoài Ân**